

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2024
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2024; về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Thu N**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **Số A, thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Chỗ ở hiện nay: **Số D, đường V, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Cao Lâm Vũ T**, sinh năm 1990; nơi cư trú: **số B, đường số H, thôn E, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị **Võ Thị Thu N**, anh **Lê Cao Lâm Vũ T** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2014, tại **UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Sau khi kết hôn chị **N**, anh **T** chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng một năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **T** không chăm lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, khi phát hiện chị **N** đã nhiều lần khuyên bảo, tác động, nhưng anh **T** không thay đổi từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Sau đó chị **N** bỏ về nhà cha mẹ ruột tại **huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** làm ăn sinh sống cho đến nay. Cũng kể từ đó chị **N**, anh **T** ly thân và không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc hay liên lạc gì nhau. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay chị **N** không còn tình cảm với anh **T** nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình chung sống chị **N**, anh **T** có một người con chung là **Lê Võ Gia K**, sinh ngày 28/11/2014. Kể từ khi chị **N** về tỉnh Lâm Đồng sinh sống cho đến nay cháu **K** do chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị **N** có nguyện vọng nuôi con không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Bản thân chị **N** làm nghề **N1**, bình quân mỗi tháng thu nhập 7.000.000 đồng. Còn anh **T** làm nghề gì và thu nhập chị **N** không được rõ. Về tài sản chung, nợ chung chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn **Lê Cao Lâm Vũ T**:*

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2024 (bút lục 28) thể hiện:

Anh **T**, chị **N** tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn chị **N**, anh **T** không chung sống chung với gia đình nhà chồng mà ở nhà trọ. Sau khi có con anh **T** lên thành phố **Đ** chăm sóc vợ, con, về sáu có dẫn con về nội chơi một hai lần rồi không quay trở lại. Chị **N**, anh **T** khoảng cách xa xôi, hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung và không còn gặp nhau. Chị **N**, anh **T** có một người con hiện đang do chị **N** trực tiếp chăm sóc.

Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2024 (bút lục 29) thể hiện:

Anh **Lê Cao Lâm Vũ T**, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú tại **số B, đường số H, thôn E, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị **Võ Thị Thu N** được ly hôn với anh **Lê Cao Lâm Vũ T**; giao con chung **Lê Võ Gia K**, sinh ngày 28/11/2014 cho chị **N** nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh **Lê Cao Lâm Vũ T** hiện thường trú tại **huyện Đ, tỉnh Bình Thuận** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị **Võ Thị Thu N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh **Lê Cao Lâm Vũ T** nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Chị **Võ Thị Thu N**, anh **Lê Cao Lâm Vũ T** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 30/5/2014, số vào sổ 26/KH, quyển số 01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **Đ**, tỉnh Bình Thuận đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị **N**, anh **T** chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù cả hai đã nhiều lần tự khuyên bảo, động viên nhau nhưng vẫn không có kết quả. Nên cả hai đã ly thân và không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau; hiện nay chị **N** không còn tình cảm với anh **T** nên đề nghị giải quyết ly hôn. Bản thân anh **T**, sau khi thụ lý vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng không tham gia, không có ý kiến, điều đó chứng tỏ anh **T** cũng không còn tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với chị **N**. Nên có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Nên, cần xử cho chị **N** được ly hôn với anh **T** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Quá trình giải quyết vụ án chị **N** có nguyện vọng được quyền nuôi con **Lê Võ Gia K**, sinh ngày 28/11/2014 trong khi anh **T** không có ý kiến gì. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi con. Tại

bản khai (bút lục 26) cháu **K** có nguyện vọng ở với chị **N**, đồng thời kể từ thời điểm chị **N**, anh **T** ly thân cho đến nay đều do chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Để bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên về mọi mặt cần giao con cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Các bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[7] Chị **N** phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Võ Thị Thu N.**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Võ Thị Thu N** được ly hôn với anh **Lê Cao Lâm Vũ T.**

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 30/5/2014, số vào sổ 26/KH, quyển số 01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **Đ**, tỉnh **Bình Thuận** hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cho chị **Võ Thị Thu N** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung **Lê Võ Gia K**, sinh ngày 28/11/2014.

Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **N** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **T**.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị **Võ Thị Thu N** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0004583, ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị **N** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- UBND xã Trà Tân, huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường